

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 708/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-06-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Dương
- Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 208/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2025, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 328/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1981; căn cước công dân số: 079181028117 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/08/2021; nơi thường trú: số A, Đường F, Tổ G, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Võ Văn K, sinh ngày 20 tháng 03 năm 1976; căn cước công dân số: 079076012565 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021; nơi thường trú: số A, Đường F, Tổ G, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01/2002 ngày 08 tháng 10 năm 2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cuộc sống hoà thuận nhưng gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên

thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được, tình cảm vợ chồng ngày càng nguội lạnh, hôn nhân không đạt được mục đích. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Võ Thành N, sinh ngày 28 tháng 06 năm 2000 và Võ Thành T1 sinh ngày 21 tháng 07 năm 2003, các con chung đều đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của bị đơn: Bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc bà Đặng Thị T yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01/2002 ngày 08 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị T và ông Võ Văn K là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được; Tòa án đã nhiều lần động viên nguyên đơn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn từ chối; bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tham gia hòa giải, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ nguyên đơn và bị đơn không còn tha thiết với việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, các bên phải quý trọng, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung trong cuộc sống, tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 109, quyển số 01 ngày 07 tháng 08 năm 2003 và bản sao Giấy khai sinh số 69, quyển số: 01/2000 ngày 07 tháng 07 năm 2000 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có hai con chung là Võ Thành N, sinh ngày 28 tháng 06 năm 2000 và Võ Thành T1, sinh ngày 21 tháng 07 năm 2003. Các con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Đối với phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Võ Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01/2002 ngày 08 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Đặng Thị T và ông Võ Văn K có hai con chung là Võ Thành N, sinh ngày 28 tháng 06 năm 2000 và Võ Thành T1, sinh ngày 21 tháng 07 năm 2003. Các con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Đặng Thị T phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0063738 ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tp . Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THA DS huyện Củ Chi;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Hoài

